

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31 – 3 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dầm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 2002; nơi cư trú: Tổ 2, ấp Vĩnh Thạnh A, xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đặng Hùng D, sinh năm 1961; địa chỉ: Đường Triệu Thị Trinh, khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt)

***- Bị đơn:*** Anh Võ Phát T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ 6, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh Võ Phát T quen biết nhau trước và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 31 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Mỹ H và Võ Phát T). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 11/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo gia đình, ham chơi cờ bạc, thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi mắng và có hành vi bạo lực đối với chị H.

Trong khoảng thời gian không còn chung sống nhau thì chị H và anh T không có liên lạc nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cha, mẹ hai bên có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn xảy ra gay gắt không thể hàn gắn sống chung với nhau được và chị H xin ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020; Hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại các biên bản ghi lời khai và hòa giải, bị đơn anh Võ Phát T khai:

Anh T thống nhất như lời trình bày trên của chị H về thời gian kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên có lúc anh T không quan tâm đến việc phụ giúp chị H chăm sóc con và có mâu thuẫn với chị H về cuộc sống vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, chị H thường hay nhắn tin qua điện thoại với người lạ và vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, anh T thừa nhận có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H do mâu thuẫn xảy ra, anh T có xin lỗi chị H để vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau, kể cả anh T cùng cha, mẹ ruột gặp gia đình bên vợ (cha, mẹ ruột chị H) để hàn gắn cho vợ chồng chị H, anh T chung sống lại với nhau nhưng không thành do chị H cương quyết không đồng ý. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không đến mức nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được, anh T có yêu cầu đoàn tụ và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 con chung tên Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020; Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh T đồng ý giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và

có khả năng lao động được, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Nguyễn Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Võ Phát T vắng mặt.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày lời bảo vệ như sau:

- Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, đủ cơ sở xác định, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- 1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Võ Phát T kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật kể từ năm 2020. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị H và anh T chung sống hạnh phúc nhau từ khi kết hôn đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng, anh T không cùng chị H chăm sóc con, anh T ham mê cờ bạc, ghen tuông vô cớ mỗi khi thấy chị H có nhắn tin điện thoại không biết bất kể việc gì, không cần biết nội dung ra sao thì có thái độ chửi mắng chị H thậm chí có hành vi bạo lực đối với chị H. Chị H do lo sợ có thể xảy ra chuyện không hay nên về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay. Do anh T sống chung với chị H không có sự tin tưởng lẫn nhau, ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực đối với chị H, nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận chị H được ly hôn với anh T.

- 1.2 Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020; Hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đ cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đ trưởng thành và có khả năng lao động được và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- 1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết. Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu*:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

*Về nội dung vụ án:*

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Võ Phát T; Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020 đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Mỹ H chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Phát T, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 6, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh T đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2020. Tại thời điểm kết hôn, chị H và anh T đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 11/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo gia đình, ham chơi cờ bạc, thường xuyên ghen tuông vô cớ, chửi mắng và có hành vi bạo lực đối với chị H; anh T thừa nhận không quan tâm đến việc phụ tiếp chị H chăm sóc con và có mâu thuẫn với chị H về cuộc sống vợ chồng, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, chị H thường hay nhắn tin qua điện thoại với người lạ và vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn, anh T có hành vi bạo lực gia đình đối với chị H, anh T có cùng cha, mẹ ruột đến gia đình bên vợ để hàn gắn sống chung lại với nhau nhưng chị H cương quyết không đồng ý.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2020, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và trong thời gian không còn chung sống, anh chị không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng và suốt thời gian Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt.

Hội đồng xét xử, xét thấy việc mâu thuẫn trên dẫn đến chị H và anh T gây mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, các bên không hòa giải được và chị H cương quyết ly hôn. Do chị H và anh T có mâu thuẫn xảy ra, anh T có xin đoàn tụ và hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không được chị H đồng ý và cương quyết ly hôn. Chị H và anh T đã có mâu thuẫn trong cuộc sống, không có sự tin tưởng lẫn nhau, anh T ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực đối với chị H. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020; Hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao cháu Đ cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không ghi nhận ý kiến sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cụ thể là bao nhiêu, thời gian cấp dưỡng lần đầu; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này giữa anh T và chị H có tranh chấp việc cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao cháu Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa chị H và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét lời bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, nuôi con chung là có căn cứ.

Về nội dung:

5.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Võ Phát T phát sinh mâu thuẫn là trong cuộc sống vợ chồng, anh T không cùng chị H chăm sóc con, anh T ham mê cờ bạc, ghen tuông vô cớ mỗi khi thấy chị H có nhắn tin điện thoại, không cần biết nội dung sao thì có thái độ chửi mắng chị H thậm chí có hành vi bạo lực đối với chị H. Do anh T sống chung với chị H không có sự tin tưởng lẫn nhau, ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực đối với chị H, nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, đề nghị HĐXX căn cứ khoản Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận chị H được ly hôn với anh T là có cơ sở.

5.2 Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020; chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi). Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ

Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020 đến khi cháu Đ thành niên, có khả năng lao động được và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở.

5.3 Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn anh Võ Phát T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 31 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thị Mỹ H và Võ Phát T không còn giá trị pháp lý.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Phát Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2020 đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, anh Võ Phát T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị Mỹ H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Võ Phát T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Võ Phát T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mỹ H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006426 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu. Chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí. Anh Võ Phát T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Dãm**